

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số 10/2019/HNGĐ-ST

Ngày 04/ 4/ 2019

(V/v T/ c Hôn nhân và gia đình)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA - TỈNH BẮC GIANG**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiên
- Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thế Hanh, ông Nguyễn Xuân Trường.
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Ngô Thanh Thuận-Thư ký TAND H. Hiệp Hòa.
- Đại diện Viện KSND huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: Ông Ong Văn Chúc- Kiểm sát viên

Ngày 04/ 4/ 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 238/ 2018/ TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2018 về việc " Tranh chấp Hôn nhân và gia đình".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04 /2019/QĐXX- ST ngày 11/ 02/ 2019 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Anh Đào Văn M - SN 1971 (Có mặt).

2/ Bị đơn : Chị Nguyễn Thị T - SN 1975 (Đề nghị xét xử vắng mặt).

Cùng nơi cư trú : Thôn Hiệp Đồng, xã Thường T, H. Hiệp Hòa, T. Bắc Giang

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan : Anh Nguyễn Huy Toàn- SN 1968

Nơi cư trú: Thôn Hữu Định, xã Quang Minh, H. Hiệp Hòa, T. Bắc Giang(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Đào Văn M trình bày: Chị Nguyễn Thị T và anh M tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thường T, huyện Hiệp Hòa tháng 5/ 1992, có tổ chức lễ cưới nhưng hiện nay không giữ được giấy đăng ký kết hôn.Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ngay, hạnh phúc được một thời gian thì mâu thuẫn do không hợp nhau, vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không thành nên vợ chồng ly thân từ khoảng năm 2014 đến nay. Từ khi ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau, bỏ mặc nhau sống. Nay anh M thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn chị T

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đào Văn Trường - SN 1993, Đào Thị Hương- SN 1995: Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nhà ở, quyền sử dụng đất các loại, công sức và các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng nợ anh Nguyễn Huy Toàn 30 triệu đồng tiền son nhà, nay thỏa thuận chị T trả toàn bộ anh Toàn 30.000.000 đồng .

2/ Bị đơn là chị Nguyễn Thị T , tại bản tự khai , biên bản hòa giải trình bày: Chị T và anh Đào Văn M tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thường T, huyện Hiệp Hòa tháng 5/ 1992 nhưng hiện nay không giữ được giấy đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ngay, hạnh phúc được một thời gian thì mâu thuẫn do không hợp nhau, vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không thành nên vợ chồng ly thân từ khoảng năm 2014 đến nay. Từ khi ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau, bỏ mặc nhau sống. Nay anh M yêu cầu ly hôn thì chị T đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đào Văn Trường - SN 1993, Đào Thị Hương- SN 1995: Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nhà ở, quyền sử dụng đất các loại, công sức và các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng nợ anh Nguyễn Huy Toàn 30 triệu đồng tiền son nhà, yêu cầu anh M và chị T mỗi người trả anh Toàn 15.000.000 đồng. Tại biên bản ngày 03/ 4/ 2019, chị T trình bày: Chị T đồng ý trả anh Toàn toàn bộ 30.000.000 đồng .

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Huy Toàn- SN 1968 vắng mặt tại phiên tòa, tại biên bản ghi lời khai trình bày: Tháng 8/ 2017, anh Toàn son nhà cho chị T, anh M còn nợ 30.000.000 đồng hẹn đến ngày 30/ 8/ 2018 trả hết nhưng nay chưa trả nên yêu cầu chị T, anh M trả đủ 30.000.000 đồng; không yêu cầu tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1/Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân giữa anh M và chị T là tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn, có tổ chức lễ cưới , đã thực sự chung sống với nhau, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình từ năm 1992 đến nay và đã có 02 con chung. Tuy anh M và chị T trình bày có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thường T nhưng không cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn và Ủy ban nhân dân xã ThườngT hiện không lưu giữ được sổ đăng ký kết hôn năm 1992 nên thuộc trường hợp chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Do vậy yêu cầu khởi kiện của anh M là có căn cứ cần xem xét giải quyết theo khoản 1- Điều 14, điều 51- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi anh M và chị T chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau. Anh M và chị T đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không thành nên ly thân từ năm 2014 đến nay. Từ khi ly thân không quan tâm đến nhau, bỏ mặc nhau sống . Anh M yêu cầu ly hôn thì T đồng ý. Do vậy Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn giữa anh M và chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, do vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh M.

-Về con chung: Anh M và chị T có 02 con chung là Đào Văn Trường- SN 1993 và Đào Thị Hương- SN 1995 đều đã thành niên, đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nhà ở, quyền sử dụng đất các loại, công sức và các vấn đề khác : Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ: Anh M và chị T nợ anh Nguyễn Huy Toàn 30.000.000 đồng tiền son nhà, nay chị T tự nguyện trả anh Toàn 30.000.000 đồng nên cần chấp nhận .

2/ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc thực hiện Bộ luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, cũng như

việc chấp hành luật pháp của những người tham gia tố tụng, việc tiến hành thu thập chứng cứ và kiểm tra các chứng cứ đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị áp dụng các điều 14, điều 51 - Luật hôn nhân gia đình năm 2014; các điều 147; 227,228, 271 và 273 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH14, ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử :

Quan hệ hôn nhân : Không công nhận anh Đào Văn M và chị Nguyễn Thị T là vợ chồng

Về con chung: Không giải quyết.

Về nợ: Chị Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả anh Nguyễn Huy Toàn 30.000.000 đồng .

Tài sản chung, tài sản riêng, nhà ở, quyền sử dụng đất các loại, công sức và các vấn đề khác: Không xem xét giải quyết.

Án phí sơ thẩm : Anh M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm ; chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ nội dung trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1/Áp dụng các điều 14, điều 51- Luật hôn nhân gia đình năm 2014; các điều 147, 227,228 điều 271 và điều 273- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14, ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án :

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Đào Văn M và chị Nguyễn Thị T là vợ chồng

Về con chung: Không giải quyết.

Về nợ: Chị Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả nợ anh Nguyễn Huy Toàn 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) .

Tài sản chung, tài sản riêng, nhà ở, quyền sử dụng đất các loại, công sức và các vấn đề khác: Không xem xét giải quyết.

Án phí sơ thẩm: Anh M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/ 2017/ 0001132 ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa . Chị T phải chịu 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả anh Nguyễn Huy Toàn 750.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/ 2017/ 0001052 ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

2 / Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất chậm thi hành án theo mức lãi suất là 10 % / năm tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết..

Nơi nhận

- TAND T, BG
- VKSNDH. Hiệp Hòa
- THADSH. Hiệp Hòa,
- Đương sự,
- UBND xã Thường T
- Lưu.

T/ M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Kiên